

THÔNG TƯ

Ban hành Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thức ăn chăn nuôi - hàm lượng tối đa cho phép các chỉ tiêu an toàn trong thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản và Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư ban hành Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thức ăn chăn nuôi - hàm lượng tối đa cho phép các chỉ tiêu an toàn trong thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thức ăn chăn nuôi - hàm lượng tối đa cho phép các chỉ tiêu an toàn trong thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản đã được đánh giá sự phù hợp theo QCVN 01-190:2020/BNNPTNT trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành không phải thực hiện lại đánh giá sự phù hợp khi đăng ký công bố hợp quy nhưng phải thực hiện đánh giá giám sát theo quy định của QCVN 01-190:2020/BNNPTNT và Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT.

2. Thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản đã được đăng ký công bố hợp quy theo QCVN 01-190:2020/BNNPTNT trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành không phải thực hiện lại đăng ký công bố hợp quy nhưng phải thực hiện đánh giá giám sát theo quy định của QCVN 01-190:2020/BNNPTNT và Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT.

3. Tổ chức đã đăng ký hoạt động chứng nhận hợp quy hoặc đã được chỉ định chứng nhận hợp quy thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản theo QCVN 01-190:2020/BNNPTNT được thực hiện chứng nhận theo Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT đến khi hết hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận hoặc quyết định chỉ định tổ chức chứng nhận.

4. Sản phẩm thức ăn chăn nuôi sản xuất trong nước quy định tại QCVN 01-190:2020/BNNPTNT đã được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sản xuất trước ngày 01 tháng 7 năm 2022 mà chưa công bố hợp quy được phép lưu thông trên thị trường đến hết thời hạn sử dụng của sản phẩm.

5. Sản phẩm thức ăn chăn nuôi sản xuất trong nước quy định tại QCVN 01-190:2020/BNNPTNT đã được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sản xuất kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 phải công bố hợp quy trước khi lưu thông trên thị trường.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Cục trưởng Cục Chăn nuôi; Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản; Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo; website Chính phủ; website Bộ NN&PTNT;
- Bộ NN & PTNT: Bộ trưởng; các Thứ trưởng; các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, KHCV, TCTS, CN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phùng Đức Tiến



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỬA ĐỔI 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
THỨC ĂN CHĂN NUÔI - HÀM LƯỢNG TỐI ĐA CHO PHÉP
CÁC CHỈ TIÊU AN TOÀN TRONG THỨC ĂN CHĂN NUÔI
VÀ NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT THỨC ĂN THỦY SẢN**

*National technical regulation
Animal feed and ingredients in aquaculture feed - Maximum level of
undesirable substances*

HÀ NỘI - 2021

SỬA ĐỔI 1:2021 QCVN 01-190: 2020/BNNPTNT

Lời nói đầu

Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số quy định của QCVN 01-190:2020/BNNPTNT do Cục Chăn nuôi và Tổng cục Thủy sản biên soạn, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình duyệt, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo Thông tư số 05/2021/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2021.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
THỨC ĂN CHĂN NUÔI - HÀM LƯỢNG TỐI ĐA CHO PHÉP
CÁC CHỈ TIÊU AN TOÀN TRONG THỨC ĂN CHĂN NUÔI
VÀ NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT THỨC ĂN THỦY SẢN

National technical regulation
Animal feed and ingredients in aquaculture feed - Maximum level of
undesirable substances

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn 1, đoạn 2 của khoản 1 Mục IV như sau:

“1. Công bố hợp quy

Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi, thực phẩm được lưu thông trên thị trường theo quy định của pháp luật Việt Nam về thực phẩm nhưng được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn này.

Trước khi lưu thông trên thị trường, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi thương mại phải được công bố hợp quy (trừ thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng; thực phẩm đáp ứng quy định của pháp luật Việt Nam về thực phẩm nhưng được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi; thức ăn truyền thống thương mại, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản được sản xuất, mua bán, sơ chế tại hộ gia đình, hộ kinh doanh).”

2. Bổ sung khoản 3 vào Mục IV như sau:

“3. Thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản sau khi công bố hợp quy phải có dấu hợp quy. Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN.”

3. Thay thế, bãi bỏ một số quy định, cụm từ tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III như sau:

a) Thay thế cụm từ “*Salmonella*” bằng cụm từ “*Salmonella* spp.” tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III.

b) Bãi bỏ quy định về hàm lượng tối đa cho phép của các chỉ tiêu *Salmonella*, Asen tổng số (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Thủy ngân (Hg) trong thức ăn truyền thống, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản có nguồn gốc từ thực vật tại Mục III Phụ lục I.

c) Bãi bỏ quy định về hàm lượng tối đa cho phép của chỉ tiêu *Salmonella* đối với nguyên liệu đơn khác quy định tại số thứ tự 5 Mục I Phụ lục II.

d) Thay thế cụm từ “không có trong 1,0 g” bằng cụm từ “Nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 10 CFU/ml” của chỉ tiêu *E.coli* tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III.

đ) Thay thế cụm từ “Không có trong 25,0 g” hoặc “Không có trong 25,0 g mẫu” bằng cụm từ “Không có trong 25,0 g hoặc không có trong 25,0 ml” tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III.

SỬA ĐỔI 1:2021 QCVN 01-190: 2020/BNNPTNT

e) Thay thế cụm từ “FeCO₃” bằng cụm từ “FeSO₄” tại số thứ tự 1.10 Mục I Phụ lục II.

4. Sửa đổi, bổ sung Mục II Phụ lục II như sau:

“II. Hàm lượng tối đa cho phép các chỉ tiêu an toàn trong thức ăn bổ sung dạng hỗn hợp

TT	Loại thức ăn	Chỉ tiêu	Hàm lượng tối đa cho phép
1	Premix ⁽¹⁾	Asen tổng số (As)	30,0 mg/kg
		Cadimi (Cd)	15,0 mg/kg
		Chì (Pb)	200,0 mg/kg
		<i>Salmonella</i> spp. ⁽³⁾	Không có trong 25,0 g hoặc không có trong 25,0 ml
2	Thức ăn bổ sung dạng hỗn hợp khác ⁽²⁾	Asen tổng số (As)	4,0 mg/kg
		Chì (Pb)	10,0 mg/kg
		Aflatoxin B1 ⁽⁴⁾	30,0 µg/kg
		<i>Salmonella</i> spp. ⁽³⁾	Không có trong 25,0 g hoặc không có trong 25,0 ml

⁽¹⁾ Là hỗn hợp của nhiều nguyên liệu đơn hoặc hỗn hợp của một hoặc nhiều nguyên liệu đơn với chất mang (chất mang không nhằm mục đích bổ sung chất dinh dưỡng cho vật nuôi).

⁽²⁾ Là hỗn hợp của thức ăn truyền thống (không bao gồm thức ăn đậm đặc) có hoặc không có nguyên liệu đơn để bổ sung chất dinh dưỡng cho vật nuôi.

⁽³⁾ *Salmonella* spp. chỉ áp dụng với sản phẩm có chứa thành phần nguyên liệu là thức ăn truyền thống có nguồn gốc động vật; nguyên liệu đơn là vi sinh vật, enzyme.

⁽⁴⁾ Aflatoxin B1 chỉ áp dụng với sản phẩm có chứa thành phần nguyên liệu là thức ăn truyền thống có nguồn gốc từ thực vật; trừ dầu, mỡ có nguồn gốc thực vật.